TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Ông Huỳnh Minh Nhì.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh K, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(*Chị L có mặt; anh K vắng mặt lần 2 không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Anh chị cưới nhau năm 2003, đến năm 2015 đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải

quyết cho ly hôn. Anh chị có hai người con chung là C, sinh ngày 09/10/2003 và H, sinh ngày 10/6/2015, hiện nay C đã trưởng thành, H đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi H, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh chị không tranh chấp các vấn đề khác.

- *Bị đơn là anh K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và giao con là H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Năm 2015 anh K và chị L đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay chị L cũng đã sống chung với người khác và có con, nên anh chị không thể hàn gắn được nữa. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị L được ly hôn với anh K.

[3] Hiện tại anh chị có hai người con chung là C, sinh ngày 09/10/2003 và H, sinh ngày 10/6/2015, hiện nay C đã trưởng thành, H đang sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi H và H cũng có nguyện vọng sống với chị L. Xét thấy, từ trước đến nay H sống chung chị L và được nuôi dạy tốt, đồng thời H có nguyện vọng sống với chị L; anh K không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và nguyện vọng của H, giao H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị L nhưng chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh K. Cho chị L được ly hôn với anh K.

2- Về con chung: Giao H, sinh ngày 10/6/2015, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001065 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận